

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HS-ST
Ngày: 23 – 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;
2. Ông Huỳnh Duy Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị Đông A, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ 02, khóm P, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh Nh, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; anh chị em ruột có 03 người, bị can là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Bùi Thị Thu Tr, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 08, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn Ph, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ 28, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Quang Ngh, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 08, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Bùi Anh Nh, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ 06, khóm X, phường E, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Lê Thành Th, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ 08, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 19-01-2019, Lê Thành Th, Bùi Anh Nh và Trần Thị Đông A tổ chức ăn uống tại nhà của Thoại (địa chỉ: tổ 08, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang). Khoảng 11 giờ cùng ngày, Đông A tìm chỗ vệ sinh và thấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9 của bà Bùi Thị Thu Tr để trên tủ chén, còn bà Tr thì đang làm thức ăn gần đó, Đông A nảy sinh ý định trộm chiếc điện thoại. Khoảng 30 phút sau, Đông A tạo hoàn cảnh để trở vào bếp nói chuyện với bà Tr, lợi dụng lúc bà Tr không cảnh giác, Đông A dùng tay phải lấy trộm chiếc điện thoại, bỏ vào túi quần và nhanh chóng rời khỏi nhà ông Thoại, đi đến cửa hàng điện thoại di động Tấn Phát (địa chỉ: tổ 28, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang). Tại đây, Đông A bán chiếc điện thoại trên cho anh Nguyễn Tấn Ph (chủ cửa hàng) với giá 3.500.000 đồng. Đông A dùng số tiền có được đến tiệm vàng Thanh Hải mua 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara giá 3.261.000 đồng. Đông A đem chiếc nhẫn trên về cất giấu trong tủ đồ cá nhân, số tiền 239.000 đồng còn lại Đông A dùng để tiêu xài cá nhân. Sau khi sự việc xảy ra, bà Tr đến Công an phường Núi Sam trình báo. Qua làm việc, Đông A đã thừa nhận hành vi vi phạm.

Vật chứng thu giữ được gồm có:

1/- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, mặt lưng màu tím, số Imei 1: 866376046789977, số Imei 2: 866376046789969;

2/- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt có đính 01(một) hột đá màu đỏ;

3/- 01 (một) giấy biên nhận mua bán vàng của tiệm vàng Thanh Hải, địa chỉ chợ Dầu Bờ, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc vào ngày 19/01/2019;

4/- Tiền Việt Nam: 239.000đ (hai trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Kết luận định giá tài sản số 113/KL-ĐG ngày 12/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím, màn hình cảm ứng trị giá 6.0000.000 đồng.

Ngày 02/5/2019, Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Thị Đông A về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại Cáo trạng số 62/CT-VKS-CD ngày 26/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Trần Thị Đông A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Trần Thị Đông A thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị Đông A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo nội dung cáo trạng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”, “*Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 3 tình tiết quy định tại khoản 1, Điều 51 BLHS nên đủ điều kiện áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

Đề nghị áp dụng Áp dụng khoản 1, Điều 173 ; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Đông A từ 04 tháng đến 06 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO là vật chứng của vụ án, đã trả lại cho bị hại; vật chứng thu giữ của bị cáo cũng đã trả lại cho bị cáo nên không đề nghị xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Thị Thu Tr và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn Ph không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xử lý.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận vào khoảng 08 giờ gày 19-01-2019, bị cáo cùng với Lê Thành Th, Bùi Anh Nh uống rượu tại nhà của Thoại thuộc tổ 08, khóm V, phường N, thành phố D. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo đi ra phía sau nhà để đi vệ sinh thì phát hiện 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 của của bà Bùi Thị Thu Tr (vợ Thoại) để trên đầu tủ chén, bị cáo lấy trộm cất giấu vào túi quần. Sau đó, bị cáo mang điện thoại đến cửa hàng của anh Nguyễn Tấn Ph bán với giá 3.500.000 đồng, rồi đến tiệm vàng Thanh Hải mua 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara, trọng lượng 1,39 chỉ giá 3.261.000 đồng để đeo. Bà Tr đến Công an phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc trình báo sự việc và bị cáo đã thừa nhận hành vi lấy trộm.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường ngày 24-4-2019 do Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc lập; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản số 113/KL-ĐG, ngày 12-3-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc cùng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện bà Tr sơ hở trong việc quản lý tài sản và lợi dụng lúc bà Tr mất cảnh giác, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, theo kết luận định giá tài sản số 113/KL-ĐG, ngày 12-3-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc trị giá 6.0000.000 đồng. Từ đó, có cơ sở xác định bị cáo A đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Tr.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Tr là xâm phạm quyền sở hữu của người

khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng sự sơ hở của bà Tr để chiếm đoạt và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, có công việc ổn định nhưng lại muốn có tiền tiêu xài thêm nên bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại. phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần bị hạn chế; hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn, là lao động chính nuôi bà ngoại già yếu, mất sức lao động, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; đồng thời bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo với xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo tự lao động dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Hình phạt bổ sung, do bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động; xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Trong giai đoạn điều tra, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, mặt lưng màu tím, số Imei 1: 866376046789977, số Imei 2: 866376046789969 bị cáo Đông A chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên không đề cập xử lý lại.

- Đối với 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt có đính 01(một) hột đá màu đỏ; 01 (một) giấy biên nhận mua bán vàng của tiệm vàng Thanh Hải, địa chỉ chợ Dầu Bờ, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc vào ngày 19-01-2019; Tiền Việt Nam: 239.000đ (hai trăm ba mươi chín ngàn đồng) là tài sản riêng của Đông A nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc đã trả lại cho Đông A là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên không đề cập xử lý lại.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo: Trần Thị Đông A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Đông A 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 năm, kể từ ngày tuyên án ngày 23-8-2019 (*ngày hai mươi ba, tháng tám, năm hai nghìn không trăm mười chín*);

Giao bị cáo Trần Thị Đông A cho Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị Đông A phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Tr, ông Phát là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc